

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/DS-PT

Ngày: 25-01-2019

V/v “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Đăng**

Các Thẩm phán: Bà **Sơn Nữ Phà Ca**

Bà **Phạm Thị Hồng Hà**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Kim Yến** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà **Trần Thị Trúc Lâm** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2017/TLPT-DS, ngày 22 tháng 10 năm 2018 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2017/DS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2019/QĐ-PT ngày 07 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Lê Duy K**, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Cư trú tại: Tổ x, phường Ngô Mỹ, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Quyết Q**, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: số nhà yz, đường Mậu Thân, phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 26/6/2018)

2. *Bị đơn:* Ông **Huỳnh Thanh T**, sinh năm 1965 (có mặt)

Cư trú tại: số nhà abc, ấp Mỹ Thuận, xã Tân Hội, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ông **Nguyễn Chí Q1** (tên gọi khác: Nguyễn Văn Cường, Nguyễn Ngọc Hiền, Cường xe tải), sinh năm 1970 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: ấp k, xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Nơi cư trú cuối cùng: số nhà mn, đường Huỳnh Thúc Kháng, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

3.2. Bà **Nguyễn Thị Cẩm T1**, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Cư trú tại: số nhà hk, đường 3/2, phường Xuân K, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

3.3. Bà **Nguyễn Thị Lệ N**, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: số sx, ấp Mỹ Thuận, xã Tân Hội, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

* *Người kháng cáo:* bị đơn ông Huỳnh Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2012 và quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Duy K cùng người đại diện theo ủy Q của ông K trình bày:

Ngày 17/5/2011, ông K và ông Huỳnh Thanh T xác lập hợp đồng mua bán xe ô tô bằng giấy tay, không công chứng hay chứng thực. Nội dung: Ông T bán ông K 01 xe ô tô tải hiệu Asia, đời 1993, do bà Nguyễn Thị Cẩm T1 đứng tên đăng ký xe, biển số 65C-004.96, giá bán 260.000.000đ. ông K chuyển tài khoản ông T nhận số tiền 240.000.000đ. Khi bên bán rút hồ sơ, chuyển vùng thì bên mua giao số tiền còn lại 20.000.000đ. Ông K nhận xe sử dụng được 04 tháng thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cần Thơ có quyết định thu hồi xe ô tô tải biển số 65C-004.96, do là tang vật vụ án “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với bị can Nguyễn Chí Q1, đã bỏ trốn, có lệnh truy nã. Trong thời gian sử dụng xe, ông K không thực hiện việc sửa chữa để làm tăng hoặc giảm giá trị xe.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cần Thơ, ông K và ông T thỏa thuận trong biên bản lập ngày 01/11/2011: Ông T trả ông K số tiền 140.000.000đ; cách trả như sau: ngày 01/11/2011 trả 70.000.000đ, ngày 16/11/2011 trả 70.000.000đ. Tuy nhiên, ông T chỉ trả ông K được 65.000.000đ rồi ngưng không trả tiếp.

Ông K khởi kiện ông T yêu cầu ông T trả số tiền 175.000.000đ là số tiền ông K thanh toán ông T để mua xe ô tô tải biển số 65C-004.96 còn lại (240.000.000đ - 65.000.000đ), không yêu cầu tính lãi.

Tại Biên bản hòa giải ngày 19/6/2012 và quá trình giải quyết vụ án, ông Huỳnh Thanh T trình bày:

Diễn biến mua bán xe ô tô tải biển số 65C-004.96 giữa ông T với ông K

như ông K trình bày là đúng. Tuy nhiên, xe ô tô tải biển số 65C-004.96 do ông Nguyễn Chí Q1 (hiện có lệnh truy nã) gửi ông T tìm người bán giúp. Ông T không biết ông Q1 đã lừa đảo bà Nguyễn Thị Cẩm T1. Để giải quyết vụ án, ông T và ông K có thỏa thuận cùng nhau chia sẽ thiệt hại tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cần Thơ, nội dung: Ông T trả ông K số tiền 140.000.000đ. Do ông T kinh doanh không thuận lợi, nên chỉ trả ông K được 65.000.000đ rồi ngưng. Theo yêu cầu khởi kiện của ông K, ông T chỉ đồng ý trả tiếp ông K số tiền 75.000.000đ cho đủ 140.000.000đ; không đồng ý trả ông K số tiền 175.000.000đ như ông K yêu cầu.

Tại Văn bản đề ngày 08/3/2013, bà Nguyễn Thị Cẩm T1 trình bày:

Xe ô tô tải biển số 65C-004.96 do bà T1 đứng tên đăng ký xe. Ông Nguyễn Chí Q1 (còn gọi là Cường) đã thuê xe bà T1 sử dụng. Trong thời gian thuê xe, ông Cường bán xe cho ông T và ông T bán xe cho ông K là bất hợp pháp. Bà T1 đã trình báo sự việc bị ông Cường lừa đảo chiếm đoạt xe tải với Công an thành phố Cần Thơ và đã nhận lại xe. Việc mua bán xe giữa ông T và ông K mà không có sự đồng ý của bà T1 là trái pháp luật. Việc mua bán này không liên quan đến bà T1 nên bà T1 xác định không có trách nhiệm gì với việc mua bán xe giữa ông T và ông K. Bà T1 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà T1.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự đề ngày 29/5/2018, bà Nguyễn Thị Lệ N trình bày:

Doanh nghiệp tư nhân Dịch vụ Thương mại Thanh Danh do bà N là chủ doanh nghiệp, đã ngưng hoạt động từ năm 2013 vì kinh doanh lỗ. Doanh nghiệp nợ tiền thuế với Nhà nước nên chưa làm thủ tục giải thể. Ngày 18/5/2017, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Bà N không biết việc ông Huỳnh Thanh T (chồng bà N) mượn tài khoản doanh nghiệp để ông K chuyển tiền 240.000.000đ. Bà N xác định không còn là chủ Doanh nghiệp tư nhân Dịch vụ Thương mại Thanh Danh. Bà N không biết việc ông T môi giới bán xe ô tô tải hiệu Asia, biển số 65C-00496 do bà Nguyễn Thị Cẩm T1 đứng tên đăng ký xe, không sử dụng số tiền 240.000.000đ. Bà N không ý kiến gì trong vụ án này, mọi việc do ông T giải quyết với ông K. Bà N đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà N tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm.

Đối với Nguyễn Chí Q1: Tòa án có nhiều văn bản hỏi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cần Thơ và nhận được văn bản trả lời: Công an thành phố Cần Thơ đã có Quyết định truy nã số 01, ngày 06/2/2012 truy nã Nguyễn Chí Q1, bị khởi tố “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Công an thành phố Cần Thơ đã ra quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự, tạm đình chỉ điều tra bị can, chưa bắt được Nguyễn Chí Q1. Xe ô tô tải biển số 65C-004.96, cơ quan Công an đã lập biên bản trao trả bà T1 vào ngày 04/10/2011. Kết luận của Hội đồng định giá của Sở Tài chính thành phố Cần Thơ xác định: xe tải biển số

65C-004.96 giá bán tại thời điểm bị xâm phạm là 227.500.000đ.

Tại bản án số 49/2012/DS-ST ngày 17/9/2012, Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long quyết định: Buộc ông Huỳnh Thanh T trả ông Lê Duy K số tiền 175.000.000đ.

Tại bản án số 190/2012/DS-PT ngày 26/11/2012, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long quyết định: Hủy bản án số 49/2012/DS-ST ngày 17/9/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Lý do: Cấp sơ thẩm đưa thiếu người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Thị Cẩm T1, Nguyễn Chí Q1. Cấp sơ thẩm tuyên vô hiệu hợp đồng nhưng chưa xử lý hậu quả hợp đồng vô hiệu.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2018/DS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 186, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 122, 128, 137 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Duy K.

Vô hiệu Hợp đồng mua bán xe ô tô (Giấy bán xe ô tô) ngày 17/5/2011, loại xe ô tô tải, biển số kiểm soát 65C-004.96 giữa ông Huỳnh Thanh T và ông Lê Duy K.

Buộc ông Huỳnh Thanh T trả ông Lê Duy K số tiền 175.000.000đ (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Dành ông Huỳnh Thanh T một vụ kiện khác với ông Nguyễn Chí Q1 về việc tranh chấp số tiền 240.000.000đ theo Hợp đồng mua bán xe ô tô (Giấy bán xe ô tô) ngày 17/5/2011.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và Q kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 03/8/2018 bị đơn ông Huỳnh Thanh T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: ông T chỉ đồng ý trả cho ông Lê Duy K số tiền 140.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay: Ông T trình bày giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 175.000.000đ, đề nghị sửa án sơ thẩm, ông chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 75.000.000đ.

Đại diện theo ủy Q của nguyên đơn trình bày: Không đồng ý theo đơn kháng cáo của ông T và đề nghị cấp phúc thẩm xử buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 175.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người

tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/20106 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông T theo hướng ông T chỉ trả cho ông K số tiền 140.000.000đ.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 42/2018/DS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của ông Huỳnh Thanh T còn trong hạn kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông K trình bày vào ngày 17/5/2011 ông K và ông T hợp đồng mua bán xe ô tô tải hiệu Asia do bà Nguyễn Thị Cẩm T1 đứng tên chủ Q xe số 65C-00496, ông K đã chuyển cho ông T nhận số tiền 240.000.000đồng, ông K sử dụng xe được 04 tháng thì cơ quan điều tra thu hồi xe trả lại cho bà T1 do xe này là tang vật trong vụ án Nguyễn Chí Q1 lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tại cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Cần Thơ ông K và ông T thỏa thuận ngày 01/11/2011 ông T trả lại cho ông K 140.000.000đồng, ông T trả được 65.000.000đồng thì ngưng. Ông K yêu cầu ông T trả số tiền là 175.000.000đồng, ông T cho rằng lời trình bày của K là đúng nhưng do xe 65C-00496 do ông Q1 gửi ông tìm người bán giúp, ông T không biết ông Q1 lừa đảo bà T1. Tại cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Cần Thơ ông K và ông T đã thỏa thuận cùng đồng ý trả cho ông K 140.000.000đồng do kinh doanh không thuận lợi nên đã trả cho ông K được 65.000.000đồng, hiện còn nợ 75.000.000đồng.

Xét án sơ thẩm buộc ông T trả cho ông K 175.000.000đồng là có căn cứ bởi lẽ ông T thừa nhận có nhận của ông K trong việc bán xe 65C-00496 phù hợp lời trình bày của nguyên đơn, ông T nhận của ông K 240.000.000đồng, thể hiện hợp đồng mua bán xe giữa ông K và ông T xe do bà T1 đứng tên nên cấp sơ thẩm vô hiệu hợp đồng mua bán xe giữa ông K và ông T là phù hợp pháp luật, việc vô hiệu hợp đồng cấp sơ thẩm không xem xét hậu quả vô hiệu do các

đương sự yêu cầu là đúng pháp luật đồng thời việc ông T thừa nhận có nhận tiền của ông K 240.000.000đồng là có xảy ra trên thực tế, theo thỏa thuận ngày 01/11/2011 là thỏa thuận có điều kiện, quy định ông K đồng ý nhận 70.000.000đồng ngày 16/11/2011, nhưng ông T không thực hiện thỏa thuận trên nên thỏa thuận này không còn hiệu lực, thực tế ông T có nhận của ông K số tiền 240.000.000đồng thì ông T phải có trách nhiệm trả lại ông K, ông T đã trả cho ông K 65.000.000đồng, số tiền này sẽ được khấu trừ vào số tiền ông T trả cho ông K, hơn nữa cấp sơ thẩm dành cho ông T trong vụ kiện dân sự khác đối với ông Q1 là đúng pháp luật, nên không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Thanh T.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông T nộp theo quy định của pháp luật.

[4] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Huỳnh Thanh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/20106 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Duy K.

Vô hiệu hợp đồng mua bán xe ô tô (giấy bán xe ô tô) ngày 17/5/2011, loại ô tô tải, biển kiểm soát số 65C-004.96 giữa ông Huỳnh Thanh T và ông Lê Duy K. Buộc ông Huỳnh Thanh T trả cho ông Lê Duy K số tiền còn lại là 175.000.000đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

2. Dành cho ông Huỳnh Thanh Tùng vụ kiện khác với ông Nguyễn Chí Q1 về việc tranh chấp số tiền 240.000.000đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng) theo hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 17/5/2011.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Huỳnh Thanh T nộp 300.000đồng

(ba trăm nghìn đồng) số tiền ông T nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo lai thu số 0003883 ngày 10/8/2018 tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long sẽ được khấu trừ vào án phí phúc thẩm.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, được Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao: 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- Chánh án: 01;
- TAND TPVL: 01;
- THADS TPVL: 01;
- Các đương sự;
- Lưu: 06;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Đăng